Lô gô bệnh viện

BỆNH VIỆN XXX

ĐƠN VỊ ĐỘT QUY

BẢNG KIỂM ĐIỀU TRỊ TÁI THÔNG MẠCH CHO ĐỘT QUY THIẾU TƯỚI MÁU CẤP

MÃ VẠCH

Số hồ sơ:

Tuổi:	Họ tên:	Giới: ○ Nam ○ Nữ		
Thời điểm khởi phát triệu chứng Đột quy: :	Tuổi:(Sinh năm:)	Cân nặng: kg		
Thời điểm khởi phát triệu chứng Đột quy: hoặc thời điểm cuối được thấy còn bình thường: ngày: (Các mốc thời gian:			
hoặc thời điểm cuối được thấy còn bình thường:	Thời điểm đến khoa cấp cứu:	: ngày://		
(Thời điểm khởi phát triệu chứng Đột qu	<i>u<u>у</u>:</i>		
Thời điểm BS Thần kinh có mặt: ngày: //	hoặc thời điểm cuối được thấy còn bìn	h thường:: ngày://		
Thời điểm chụp CT não Thời điểm bolus rtPA Ingày:	() Giờ	phát hiện:: ngày://		
Thời điểm bolus rtPA : ngày: /	Thời điểm BS Thần kinh có mặt:	: ngày://		
Thời điểm BS can thiệp TK có mặt:	Thời điểm chụp CT não	: ngày://		
Thời điểm chích ĐM đùi (can thiệp) Thời điểm tái thông đầu tiên (can thiệp) ———————————————————————————————————	Thời điểm bolus rtPA	: ngày://		
Thời điểm tái thông đầu tiên (can thiệp):ngày:/	Thời điểm BS can thiệp TK có mặt:	: ngày://		
Thời điểm tái thông hoàn tất (can thiệp) _:ngày:	Thời điểm chích ĐM đùi (can thiệp)	: ngày://		
CÁC VẪN ĐỀ CỦA BỆNH NHÂN A. BỆNH CẢNH ĐỘT QUY VÀ THỜI GIAN □ Bệnh cảnh đột quy (đột ngột khởi phát dấu định vị) □ Thời gian từ lúc khởi phát <270 phút (4,5 giờ) □ Hoặc < 360 phút (6 giờ) cho can thiệp nội mạch B. CHỐNG chỉ ĐịNH 1. Lâm sàng □ Lâm sàng hướng tới chẩn đoán XH dưới nhện (bất kể kết quả CT) □ Huyết áp: □ Huyết áp: □ Huyết áp >185/110 mmHg (CÓ THỂ ĐIỀU CHỈNH) □ Đường huyết MM: mg/dL Tiểu cầu: □ / mm3 2. Tiền căn bệnh lý và phẫu thuật thần kinh: □ Tiền căn xuất huyết nội sọ □ Tiền căn ghay thuật thần kinh: □ Tiền căn ghay thuật thừng tháng □ Tiền căn cán đột quy trong vòng 3 tháng □ Tiền căn chấn thương đầu nặng trong vòng 3 tháng □ Tiền căn chấn thượt động (võng mạc / tiêu hóa / niệu dục / xuất huyết nội / chảy máu khi chích TM khổ kiểm soát)	Thời điểm tái thông đầu tiên (can thiệp	o): ngày:/		
A. BỆNH CẢNH ĐỘT QUY VÀ THỜI GIAN Bệnh cảnh đột quy (đột ngột khởi phát dấu định vị) Thời gian từ lúc khởi phát <270 phút (4,5 giờ) Hoặc < 360 phút (6 giờ) cho can thiệp nội mạch B. Chống chỉ định B. CHỐNG CHỈ ĐỊNH	Thời điểm tái thông hoàn tất (can thiệ;	o): ngày:/		
A. BỆNH CẢNH ĐỘT QUY VÀ THỜI GIAN Bệnh cảnh đột quy (đột ngột khởi phát dấu định vị) Thời gian từ lúc khởi phát <270 phút (4,5 giờ) Hoặc < 360 phút (6 giờ) cho can thiệp nội mạch B. Chống chỉ định B. CHỐNG CHỈ ĐỊNH	✓ CÁC VẤN ĐỀ CỦA BÊNH NHÂN	CÁC TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ		
Thời gian từ lúc khởi phát <270 phút (4,5 giờ)	· · · · · · · · · · · · · · · · · · ·			
Hoặc < 360 phút (6 giờ) cho can thiệp nội mạch B. Chống chỉ định B. CHỐNG CHỈ ĐỊNH 1. Lâm sàng Lâm sàng Lâm sàng Lâm sàng hướng tới chẩn đoán XH dưới nhện (bất kế kết quả CT) Huyết áp:				
B. CHỐNG CHỈ ĐỊNH 1. Lâm sàng Lâm sàng Lâm sàng				
1. Lôm sàng Lâm sàng hướng tới chẩn đoán XH dưới nhện (bất kể kết quả CT) Huyết áp:				
Kết quả CT) Huyết áp >185/110 mmHg (CÓ THỂ ĐIỀU CHỈNH) Dường huyết MM: mg/dL Dường huyết <50 mg/dL Dường huyết <50 mg/dL Tiểu cầu <100 000/mm³ * 7 lều cầu cầu fiều cầu thuật thần kinh: Tiều cầu kinh lý và phẫu thuật thần kinh: Tiền căn bệnh lý và phẫu thuật thần kinh: Tiền căn tu/AVM/phình mạch nội sọ Tiền căn phẫu thuật nội sọ hoặc nội tủy gần đây Tiền căn đột quy trong vòng 3 tháng Tiền căn chấn thương đầu nặng trong vòng 3 tháng Tiền căn chấn thương đầu nặng trong vòng 3 tháng Chích ĐM ở nơi không đè ép được (trong vòng 7 ngày) 3. Rối loạn đông cầm máu: Xuất huyết đang hoạt động (võng mạc / tiêu hóa / niệu dục / xuất huyết nội / chảy máu khi chích TM khó kiểm soát)				
Huyết áp:		☐ Lâm sàng hướng tới chẩn đoán XH dưới nhện (bất kể		
Dường huyết MM: mg/dL Tiểu cầu: / mm3 2. Tiền căn bệnh lý và phẫu thuật thần kinh: □ Tiền căn bệnh lý và phẫu thuật thần kinh: □ Tiền căn u/AVM/phình mạch nội sọ □ Tiền căn phẫu thuật nội sọ hoặc nội tủy gần đây □ Tiền căn đột quỵ trong vòng 3 tháng □ Tiền căn chấn thương đầu nặng trong vòng 3 tháng □ Tiền căn chấn thương đầu nặng trong vòng 3 tháng □ Chích ĐM ở nơi không đè ép được (trong vòng 7 ngày) 3. Rối loạn đông cầm máu: □ Xuất huyết đang hoạt động (võng mạc / tiêu hóa / niệu dục / xuất huyết nội / chảy máu khi chích TM khó kiểm soát)				
Tiểu cầu:				
2. Tiền căn bệnh lý và phẫu thuật thần kinh: Tiền căn xuất huyết nội sọ Tiền căn u/AVM/phình mạch nội sọ Tiền căn phẫu thuật nội sọ hoặc nội tủy gần đây Tiền căn đột quy trong vòng 3 tháng Tiền căn chấn thương đầu nặng trong vòng 3 tháng Tiền căn chấn thương đầu nặng trong vòng 3 tháng Chích ĐM ở nơi không đè ép được (trong vòng 7 ngày) 3. Rối loạn đông cầm máu: Xuất huyết đang hoạt động (võng mạc / tiêu hóa / niệu dục / xuất huyết nội / chảy máu khi chích TM khó kiểm soát)				
☐ Tiền căn xuất huyết nội sọ ☐ Tiền căn u/AVM/phình mạch nội sọ ☐ Tiền căn phẫu thuật nội sọ hoặc nội tủy gần đây ☐ Tiền căn đột quỵ trong vòng 3 tháng ☐ Tiền căn chấn thương đầu nặng trong vòng 3 tháng ☐ Chích ĐM ở nơi không đè ép được (trong vòng 7 ngày) 3. Rối loạn đông cầm máu: ☐ Xuất huyết đang hoạt động (võng mạc / tiêu hóa / niệu dục / xuất huyết nội / chảy máu khi chích TM khó kiểm soát)		· ·		
☐ Tiền căn u/AVM/phình mạch nội sọ ☐ Tiền căn phẫu thuật nội sọ hoặc nội tủy gần đây ☐ Tiền căn đột quy trong vòng 3 tháng ☐ Tiền căn chấn thương đầu nặng trong vòng 3 tháng ☐ Chích ĐM ở nơi không đè ép được (trong vòng 7 ngày) 3. Rối loạn đông cầm máu: ☐ Xuất huyết đang hoạt động (võng mạc / tiêu hóa / niệu dục / xuất huyết nội / chảy máu khi chích TM khó kiểm soát)	2. Hen can benn iy va phaa thaat than kinn.			
☐ Tiền căn phẫu thuật nội sọ hoặc nội tủy gần đây ☐ Tiền căn đột quỵ trong vòng 3 tháng ☐ Tiền căn chấn thương đầu nặng trong vòng 3 tháng ☐ Chích ĐM ở nơi không đè ép được (trong vòng 7 ngày) 3. Rối loạn đông cầm máu: ☐ Xuất huyết đang hoạt động (võng mạc / tiêu hóa / niệu dục / xuất huyết nội / chảy máu khi chích TM khó kiểm soát)				
☐ Tiền căn đột quỵ trong vòng 3 tháng ☐ Tiền căn chấn thương đầu nặng trong vòng 3 tháng ☐ Chích ĐM ở nơi không đè ép được (trong vòng 7 ngày) 3. Rối loạn đông cầm máu: ☐ Xuất huyết đang hoạt động (võng mạc / tiêu hóa / niệu dục / xuất huyết nội / chảy máu khi chích TM khó kiểm soát)		·		
☐ Tiền căn chấn thương đầu nặng trong vòng 3 tháng☐ Chích ĐM ở nơi không đè ép được (trong vòng 7 ngày) 3. Rối loạn đông cầm máu:☐ Xuất huyết đang hoạt động (võng mạc / tiêu hóa / niệu dục / xuất huyết nội / chảy máu khi chích TM khó kiểm soát)				
3. Rối loạn đông cầm máu:				
		☐ Chích ĐM ở nơi không đè ép được (trong vòng 7 ngày)		
dục / xuất huyết nội / chảy máu khi chích TM khó kiểm soát)	3. Rối loạn đông cầm máu:			
		dục / xuất huyết nội / chảy máu khi chích TM khó		
□ Dùng Heparin trong vòng 48 giờ trước, với aPTT cao				

 [✓] Đánh giá tổng kết cho từng mục lớn: ✓ nếu thỏa; × nếu loại; và ○ nếu còn cân nhắc (ví dụ huyết áp đang điều chỉnh)
 * Với BN không tiền sử RL đông máu hoặc đang dùng thuốc kháng đông, có thể dùng rTPA trước khi có kết quả đông máu, sẽ ngưng dùng nếu kết quả XN về có INR > 1.7
 * Với BN không có tiền sử giảm TC, có thể khởi đầu rtPA trước khi có kết quả đếm tiểu cầu, sẽ ngưng dùng nếu kết quả về TC <100.000/mm3

	hơn giới hạn trên của bình thường *
	☐ Đang dùng kháng đông uống với INR>1.7 hoặc PT > 15 giây *
	Dang dùng thuốc ức chế thrombin (dabigatran) hoặc
	ức chế Xa (apixaban, rivaroxaban) với test đông máu
	tương ứng tăng (như aPTT, INR, tiểu cầu đếm, và ECT;
	hoặc đo hoạt tính yếu tố Xa) *
C. CCĐ riêng cho cửa sổ >180p	C. CCĐ riêng cho cửa sổ >180p
	☐ Tuổi >80
	☐ NMN nặng: NIHSS >25
	☐ Đang dùng kháng đông uống bất kể giá trị INR
	☐ Tiền căn vừa có ĐTĐ vừa có đột quỵ thiếu máu não
D. CCÐ TƯƠNG ĐỐI	D. CCÐ TƯƠNG ĐỐI
	☐ Đang có thai
	☐ Co giật lúc khởi phát vẫn còn khiếm khuyết sau cơn
	Đại phẫu hoặc chấn thương nặng trong vòng 14 ngày
	trước
	☐ Xuất huyết tiêu hóa / niệu dục gần đây (trong vòng 21 ngày)
	☐ Nhồi máu cơ tim cấp gần đây (trong vòng 3 tháng)
	Các tình huống cân nhắc khác (quyết định tùy từng BN)
	☐ Các thủ thuật trong vòng 7-10 ngày trước: Xoa bóp tim
	ngoài lồng ngực, sinh đẻ, chọc dò DNT
	☐ Bệnh lý nội khoa nặng:
	Suy tim mất bù, loạn nhịp ác tính, viêm NTM NT
	Hen phế quản nặng
	Suy gan nặng, viêm gan cấp, viêm tụy cấp
E. CÁC TÌNH HUỐNG ĐẶC BIỆT	E. CÁC TÌNH HUỐNG ĐẶC BIỆT
	☐ Khiếm khuyết thần kinh chỉ ở mức nhẹ NIHSS<4
	☐ Khiếm khuyết thần kinh cải thiện nhanh
	☐ Khởi phát lúc ngủ dậy/không ai chứng kiến
	☐ Tuổi <18
F. KẾT QUẢ CT NÃO / MRI NÃO	F. KẾT QUẢ CT NÃO / MRI NÃO, CCĐ nếu:
	☐ Có xuất huyết nội sọ
	☐ Nhồi máu não đã thấy rõ với kích thước lớn: điểm
	ASPECTS <6
G. Thân nhân đã hiểu và ký đồng ý	G. Thân nhân đã hiểu và ký đồng ý
	, ,,
QUYẾT ĐỊNH ĐIỀU TRỊ:	
1. ALTEPLASE ĐƯỜNG TĨNH MẠCH: O SỬ DỤNG	О кнông sử dụng
Liều alteplase theo cân nặng: 0,9mg/kg x	kg = mg; Bolus 10% = mg
	. kg = mg; Bolus 15% = mg
KẾT QUẢ mCTA: □ Tắc động mạch lớn (□ ĐM Cả	nn trong; □ ĐMN giữa M1; □ ĐM thän nên)
□ Không tắc động mạch lớn	
2. CAN THIỆP NỘI MẠCH: O Can	thiệp lấy huyết khối O Không can thiệp
3. NƠI NHÂN BỆNH ĐIỀU TRI: O Đơn vị đột qu	IV O Khoa DSA O Khoa hài sức

BÁC SĨ RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký và họ tên)

Lô gô bệnh viện

BỆNH VIỆN XXX

ĐƠN VỊ ĐỘT QUY

THANG ĐIỂM ĐỘT QUY NIHSS

(National Institute of Health Stroke Scale)

SC-VN-00703

Ho tên BN:	Tuổi	. (SN:)
HO LEH DIN.	1 UOI	. (JIV	/

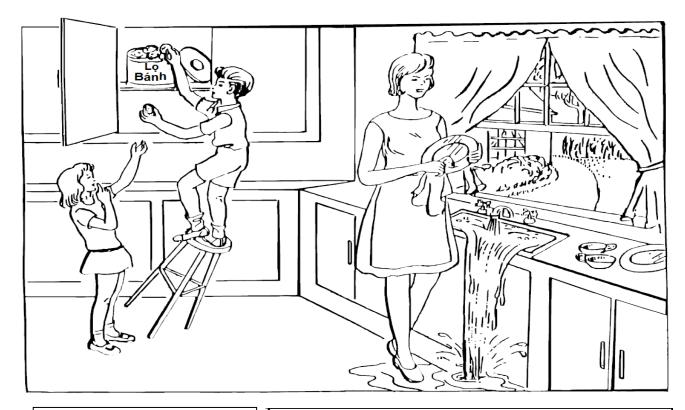
Mục khám	Thang điểm	Kết	quả điểm t	ừng lần
	Ngày đánh giá:			
	Giờ đánh giá:			
la. Mức ý thức:	0 = tỉnh, đáp ứng nhanh			
La. Ivia c y tilu c.	1 = ngủ gà, đánh thức dễ			
	2 = lơ mơ, cần kích thích mạnh			
	3 = mê, không đáp ứng, hoặc chỉ đáp ứng vận động phản xạ			
1b. Hỏi tháng và tuổi	0 = trả lời đúng cả hai câu			
To. Hor thang va tuoi	1 = đúng một câu			
	2 = không đúng cả hai			
Lc. Thực hiện hai lệnh	0 = làm đúng cả hai			
vận động (nhắm mắt,	1= chỉ làm đúng một			
nắm tay)	2 = không làm đúng cả hai mệnh lệnh			
2. Vận nhãn ngang	0 = bình thường			
z. van man ngang	1 = liệt vận nhãn 1 phần, 1 hoặc 2 mắt, lệch mắt vượt qua được			
	2 = lệch mắt/liệt vận nhãn hoàn toàn, mắt búp bê không khắc phục			
Thi truiùna.	0 = không mất thị trường			
3. Thị trường:	1 = bán manh 1 phần, góc manh, hoặc triệt tiêu			
	2 = bán manh hoàn toàn			
	3 = bán manh 2 bên (mù/mù vỏ)			
1 liêt mặt.	0 = không liệt			
4. Liệt mặt:	1 = yếu nhẹ (mờ nếp mũi má, mất đối xứng khi cười)			
	2 = liệt một phần (liệt phần dưới mặt khá nặng đến hoàn toàn)			
	3 = liệt hoàn toàn nửa mặt 1 hoặc 2 bên, hoặc BN hôn mê			
- Vên đênata	0 = giữ tay 90 hoặc 45° đủ 10 giây không trôi rơi			
5. Vận động tay	1 = trôi rơi trước khi hết 10 giây, không chạm giường	T.,4:.	T.,4:.	T.,.4:.
5a. Tay trái	2 = gắng sức nhưng không thể nâng tay, hoặc rơi tay chạm giường	<u>Trái: .</u>	<u>Trái: .</u>	<u>Trái: .</u>
5b. Tay phải	3 = có vận động nhưng không có gắng sức, tay rơi thẳng xuống			_, ,,
	4 = hoàn toàn không có vận động, hoặc BN hôn mê	<u>Phải: .</u>	<u>Phải: .</u>	<u>Phải: .</u>
	UN = Cụt chi, cứng khớp, ghi rõ:			
E Vân đông chân	0 = giữ chân 30° đủ 5 giây không trôi rơi			
6. Vận động chân	1 = trôi rơi trước khi hết 5 giây, không chạm giường	T., 41.	T.,.41.	T., 41.
6a. Chân trái	2 = có gắng sức chống trọng lực nhưng rơi chạm giường trước 5"	<u>Trái: .</u>	<u>Trái: .</u>	<u>Trái: .</u>
6b. Chân phải	3 = có vận động nhưng không gắng sức, rơi ngay xuống giường	D1 ?:	D1 ?:	D1 ?:
	4 = Hoàn toàn không có vận động, hoặc BN hôn mê	<u>Phải: .</u>	<u>Phải: .</u>	<u>Phải: .</u>
	UN = Cụt chi, cứng khớp, ghi rõ:			
7. Thất điều chi:	0 = không có thất điều, hoặc bệnh nhân liệt/không hiểu/hôn mê			
7. Illat uleu tili.	$1 = \text{co } \hat{\sigma}$ một chi;			
	2 = có ở hai chi			
R Cảm giác:	0 = bình thường			
8. Cảm giác:	1 = mất cảm giác nhẹ - trung bình; giảm/mất cg đau, còn cg sờ chạm			
	2 = mất cảm giác nặng, toàn bộ, hoặc BN hôn mê			
9. Ngôn ngữ:	0 = bình thường			
o. Ngon ngu .	1 = nhẹ - trung bình, giao tiếp được dù hơi khó			
	2 = nặng, giao tiếp rất hạn chế			
	3 = câm lặng, mất ngôn ngữ toàn bộ; không nói/không hiểu lời; mê			
IO Dycarthria	0 = bình thường			
10. Dysarthria: (rối loạn khớp âm)	1 = nhẹ - trung bình, người nghe vẫn hiểu dù khó			
	2 = nặng: lời nói biến dạng không thể hiểu; hoặc BN câm lặng/ mê			
	UN = có NKQ hoặc các cản trở vật lý khác, ghi rõ:			
11 Cu + # 12				-
l1. Sự triệt tiêu và chú 	1 = mất chú ý thị giác, xúc giác, thính giác, không gian, hoặc bản thân,			
ý:				1
	hoặc triệt tiêu ở một thể thức cảm giác;			
	2 = mất chú ý nửa thân nặng hoặc ở > 1 thể thức. Không nhận biết bàn			
	tay mình hoặc chỉ hướng về không gian 1 bên. Hoặc mê			<u> </u>



TỔNG ĐIỀM (max 42):

BS Đánh giá ký tên:





Bạn biết làm sao.

Xuống tới đất.

Tôi đi làm về.

Gần cái bàn trong phòng ăn.

Họ nghe ông ấy nói trên đài tối qua.

MA MA

TÍP – TÓP PHÍP TY – PHÍP TY

SÓNG SÁNH

NÓI LÂU LỊO LƯỚI

CÀ RỊCH CÀ TANG

